

## Vài Kỷ Niệm về Sư-Đoàn 5 Bộ-Binh Và Tướng Lê-Nguyên-Vỹ.



Đầu tháng 9-1965, sau khi tốt nghiệp khóa 19 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ-Đức, tôi về Bình-Dương trình diện Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh (BTL/SD5BB). Đây là một trong những đại đơn vị kỳ cựu của Quân lực Việt Nam Cộng Hoà (VNCH), bao gồm các đơn vị thiểu số miền Bắc – mà đa số thuộc sắc dân Nùng thuộc vùng tự trị Móng-Cáy của Đại tá Woòng A Sáng. Di cư vào Nam, được mang tên Sư Đoàn 3 Dã Chiến, sau đổi thành Sư Đoàn 5 Bộ Binh (SD5BB), trấn giữ vùng đông bắc thủ đô Saigon và được coi như đơn vị tín cẩn nhất của chế độ.

Ngày ấy, Tướng Vỹ còn mang cấp bậc Thiếu-Tá, giữ chức Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 9/SD5BB. Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn đồn trú tại Bến-Cát, sau dời lên Chơn Thành, cách tỉnh lỵ Bình-Dương khoảng 50 km về hướng Bắc. Từ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn (BTL/SD) ở Phú-Lợi, Bình Dương, tôi đã nhiều lần lên đó, khi thì đi cùng phái đoàn thanh tra, khi thanh tra một mình, theo lệnh đơn vị trưởng, nên tôi có nhiều dịp tiếp xúc với Thiếu-Tá Vỹ và các Sĩ Quan trong Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn. Nhờ vậy, cũng từ những ngày đó, tôi biết thêm nhiều về cuộc đời “người lính chiến thực sự” Lê-Nguyên-Vỹ.

Tướng Vỹ sinh năm 1933 tại Sơn-Tây, miền Bắc Việt Nam. Ông nguyên là sĩ quan binh chủng Nhảy Dù, thời Thiếu Tá Đỗ-Cao-Trí giữ chức Liên Đoàn Trưởng. Ông tham dự nhiều cuộc hành quân trên chiến trường miền Nam. Năm 1955, sau cuộc tảo thanh Bình-Xuyên ở Saigon - Chợ Lớn, ông được thăng cấp Đại-Úy. Ít năm sau, rời Nhảy Dù, Ông ra phục vụ tại Sư-Đoàn 5 BB. Ông được giao chức Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Trung Đoàn 9 BB,

rời Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 9BB năm 1965, với cấp bậc Thiếu Tá, sau một thời gian làm Chi Khu Trưởng Chi Khu Bến- Cát.

Những ai từng làm việc với ông, dù thượng cấp, hay quân sĩ dưới quyền, đều chung một nhận xét: Ông là vị chỉ huy rất nóng tánh – theo tôi phải nói là trực tánh mới đúng. Trong một đặc san của Sư Đoàn 5BB thuở đó, đã ghi như sau về Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 9 – tức Thiếu Tá Vỹ: “Có một lần Ông vung tay đập vỡ mấy cái mặt bàn”. Nhưng nói gì thì nói, không ai có thể phủ nhận Ông là một sĩ quan chỉ huy hành quân tài giỏi, thủ cũng như công. Những phái đoàn thanh tra từ Tổng-Tham-Mưu, Quân-Đoàn, Sư-Đoàn khi đến quan sát nơi đóng quân của đơn vị Ông, đều hết lời khen ngợi. Bản doanh Bộ Chỉ Huy Trung-Đoàn 9 tại Chơn-Thành là một căn cứ phòng thủ hình ngũ giác kiêu mẫu.

Đối với nhân viên thuộc Bộ Chỉ Huy, có lẽ Ban 2 vất vả hơn cả. Lý do đơn giản là Ông Trung Đoàn Trưởng luôn quan tâm đến tình hình địch, tình hình bạn. Nhờ vậy, đơn vị do Ông chỉ huy đã ghi hết chiến công này đến chiến công khác, trong cũng như ngoài Khu 32 Chiến Thuật. Những địa danh, những mặt khu, những chiến khu từ Bến-Súc, Bến-Sỏi qua Dầu-Tiếng, Lộc-Ninh, Hớn-Quản, đến Đồng-Xoài, Phước-Long, Phước-Quả rồi mệnh mông Tam Giác Sắt, Chiến Khu C, Chiến Khu D v.v. nơi nào cũng in dấu gót giày hành quân của các chiến sĩ Trung Đoàn 9.

Những năm 1965-1967, sau khi quân tác chiến Mỹ ào ạt đổ vào miền Nam, tình hình chiến trận cũng như chính trị có nhiều biến động. Trên mặt trận quân sự, Cộng Sản Bắc Việt(CSBV) công khai đưa các đơn vị chính qui vào vùng Cao nguyên Trung phần (Tây Nguyên, tức Mặt trận B-3) và Tây Bắc vùng Hỏa Tuyến (Mặt trận Trị-Thiên). Đồng thời, CSBV cũng thành lập Sư-Đoàn 2 tại Quảng-Ngãi và Sư Đoàn 3 “Sao Vàng” tại Bình-Định (Quân khu 5 CS). Tại miền Đông Nam Phần (Quân Khu 7 CS), CSBV thành lập sư đoàn (Công trường) 9 tại Bình-Long, 5 tại Bà-Rịa (Căn cứ Mây Tàu) và 7 tại Phước-Long.

Về chính trị, từ tháng 6-1965, chính phủ dân sự Phan Khắc Sửu - Phan Huy Quát rút lui, trả lại quyền điều hành đất nước cho quân đội! Người ta được nghe những cụm từ như Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương v.v., hoặc Tổng Cục A, Tổng Cục B, Cục Y, Cục Z v.v. Vì Quân Đội điều hành việc nước, dĩ nhiên nhiều quân nhân được nắm giữ các chức vụ quan trọng tại các Bộ và nha, sở. Những cấp chỉ huy cao trong quân đội cứ thay đổi liên tục. Thực là đau lòng khi thấy phe này hạ bệ hoặc thanh toán phe kia, tôn giáo này kinh chống tôn giáo nọ. Chắc không ai có thể quên vụ “bàn thờ ra đường” còn được gọi là vụ “Phật Giáo Miền Trung” xảy ra vào mùa Xuân 1966. Chính quyền Trung Ương tại Saigon năm ấy đã mang quân đội và cảnh sát ra Đà-Nẵng và Huế thẳng tay dẹp bàn thờ và

phong tỏa chùa chiền. Một số lớn quân nhân theo Phật giáo đã bị thuyền chuyển từ Vùng I vào Vùng III hoặc vùng IV Chiến Thuật. Dân gian thời đó thường truyền miệng “*được làm vua, thua làm đại sứ*” hoặc “*được làm vua, thua đi chữa bệnh*” v.v. Trường hợp các Ông Dương-Văn-Minh, Trần-Thiện-Khiêm, Nguyễn-Khánh, Đỗ-Cao-Trí, Nguyễn-Chánh Thi, Phạm-Văn-Liễu v.v. là những chứng nhân rục rủa hận thù hoặc xót xa, tiếc nuối, ngậm ngùi tới cuối đời. (Xem hồi ký Nguyễn- Chánh- Thi, Đỗ- Mậu, Phạm- Văn- Liễu, v.v.)

Thời gian này, Trung Đoàn 9 của Trung-Tá Võ (Ông đã được thăng cấp) thường phối hợp hành quân với các đơn vị của Sư Đoàn 1 Bộ Binh Hoa Kỳ trong các chiến dịch tiến vào các mật khu Cộng Sản như *Cedar Falls*, *Junction City* v.v. Ông giữ vững lập trường một người lính chiến đấu, gắn bó với tiền tuyến, sát cánh cùng thuộc cấp giữ chắc tay súng truy cản địch quân ngoài mặt trận, chỉ lo chu toàn nhiệm vụ mà không quan tâm đến nhiều rối loạn chính trị, nhiều tranh giành quyền lực tại hậu phương.

Sự tham chiến của binh đội Mỹ – nhất là việc đánh bom miền Bắc để áp lực Hà-Nội ngưng xâm lược miền Nam, chấp nhận sự hiện hữu và biên giới của hai thể chế chính trị do các cường quốc ngầm ngầm chấp nhận – gặp sức phản kháng và chống đối trên toàn thế giới. Ngay tại Mỹ, phong trào phản chiến cũng ngày một dâng cao, khởi đi từ những cuộc biểu tình ngoài đường phố. Bởi vậy, từ năm 1966-1967, chính phủ Tổng-Thống Lyndon B. Johnson phải tìm cách tiếp xúc với Bắc-Việt để đưa ra một giải pháp chính trị.

Trong khi đó, tại miền Nam, các phe phái, Tướng Tá vẫn không ngừng tranh chấp, thanh toán lẫn nhau. Tình huynh đệ chi binh và mục tiêu chiến lược bảo vệ miền Nam khỏi họa Cộng-Sản không đủ ngăn chặn những mưu bá, đồ vương. Người ta cho rằng miền Nam sẽ ổn định nếu chấm dứt tình trạng quân đội nắm quyền và tổ chức bầu cử càng sớm càng tốt. Thế nhưng oái oăm thay, sau khi liên danh Nguyễn-Văn-Thiệu//Nguyễn-Cao-Kỳ thắng lợi trong cuộc tuyển cử tháng 9-1967 và dẹp yên được chống đối của phe Phật-Giáo cùng sinh viên, học sinh, tình hình hậu phương bề ngoài yên tĩnh, thực ra có biết bao cột sóng ngầm cuộn cuộn. Sự kết hợp bất đắc dĩ của liên danh Thiệu - Kỳ có nguy cơ trở thành đôi đầu và tiến đến thanh toán nhau trong những ngày tới.

Ngoài chiến trường, chỉ nói riêng khu 32 Chiến Thuật (gồm 3 tỉnh Bình-Dương, Bình-Long, Phước-Long), vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 5 BB, đã mở rất nhiều cuộc hành quân bình định, hành quân truy quét địch, cho nên tình hình an ninh tạm ổn. Lại thêm lúc này quân đội Mỹ vào miền Nam đã lên con số khá cao. Quốc lộ 13, còn có tên gọi là “Quốc lộ máu”, đoạn Bình

Dương - Bình Long đã ít bị phục kích hoặc gài mìn. Đoạn đường “gai lửa” Bình Dương - Phước Long trên Quốc lộ 14 cũng được khai thông.

Đặc biệt thời gian này, Tiểu Đoàn 2 Trung Đoàn 9BB đã ghi một chiến công lớn. Nhờ tinh thần chiến đấu anh dũng, quyết tâm kháng cự, lại được phi pháo yểm trợ, Tiểu đoàn đã bẻ gãy một cuộc tấn công của địch vào Bộ chỉ huy, đóng tại Phước- Quả, cách tỉnh lỵ Phước- Long hơn 10 km về phía tây nam. Do chiến thắng trên, Tiểu Đoàn Trưởng 2/9 (Đại Úy T.) được thăng cấp Thiếu-Tá, sau về làm Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 9 BB.

Như đã lược nhắc, từ năm 1967, phong trào phản chiến trên nước Mỹ dâng cao. Những vụ biểu tình đòi rút binh đội Mỹ khỏi Việt-Nam không ôn hoà như trước mà có phần quá khích, có khi còn đốt cờ Mỹ hoặc xé thẻ trưng binh v.v. Chính phủ Johnson bối rối, hơn nữa lại sắp có tổng tuyển cử vào năm tới (1968). Đây là một thách thức lớn của Tổng Thống Johnson và Đảng Dân Chủ. Qua trung gian Tổng thư ký Liên- Hiệp- Quốc, Pháp, Vatican cùng một số nước khác, chính phủ Johnson tìm cách dò ý Hà-Nội về một giải pháp chính trị. Trong khi đó, bộ máy chiến tranh tại Hà-Nội, được Liên- Xô và Trung- Cộng cố vấn, đã bắt mạch được thế lúng túng của Hoa-Thanh-Đồn, nên ra sức chuẩn bị một trận đánh lớn để chứng tỏ khả năng hiện diện và tiềm năng quân sự của họ tại chiến trường miền Nam, đồng thời làm chao đảo tinh thần nhân dân và Quốc Hội Mỹ cũng như tạo áp lực với chính phủ Johnson tiến tới bàn hội nghị.

Đúng vào những ngày Tết năm Mậu Thân 1968, Hà- Nội đơn phương hủy bỏ thỏa thuận hưu chiến, mở cuộc Tổng Tấn Công vào Saigon và 44 tỉnh, thị xã của VNCH. Mặt trận tại Bình-Dương và BTL/SĐ5 khởi diễn đêm mừng 1 rạng mừng 2 Tết (31-1-1968). Lúc này, quân số hiện diện tại các đơn vị thuộc BTL/SĐ, cũng như Tiểu Khu Bình-Dương, trường Công Binh, Thiết Đoàn 1 Ky Binh v.v. không tới 50%. Thế mà, dù cho địch có chuẩn bị thật kỹ, bảo mật tối đa và đặc biệt tấn công bất ngờ, chúng vẫn không làm chủ tình hình. Giao tranh dữ dội tại khu vực Lò-Chén và trường Công Binh trong tỉnh lỵ. Địch cũng đặt những “chốt” chặn xung quanh thị xã và pháo kích vào Phú-Lợi, cách Bình-Dương 5km về hướng đông, nơi đặt Bộ Tư Lệnh SĐ5BB, mục đích cầm chân, không cho tiếp viện. Lập tức, Sư-Đoàn điều động đơn vị của Trung đoàn 7BB giải tỏa từ phía nam lên và đặc biệt lệnh cho Trung Đoàn 8 của Đại-Tá Vỹ ở Bến Cát (lúc này Ông đã thăng cấp Đại-Tá, chỉ huy Trung Đoàn 8BB) đưa đơn vị về giải tỏa từ phía bắc và phía đông. Đại-Tá Vỹ đặt Bộ chỉ huy Hành Quân tại Bung- Cải, khoảng giữa tỉnh lỵ và BTL/SĐ. Ông đích thân điều động cuộc hành quân đánh đuổi địch ra khỏi thị xã và các chi khu lân cận, đồng thời tiếp tục truy quét tàn quân địch. Nhìn chung, cuộc tổng tấn công và tổng khởi nghĩa của Việt-Cộng năm Mậu-Thân đã thất bại nặng nề. Nhưng về chính trị, chúng đã đạt thắng lợi

đáng kể. Trước áp lực từ nhiều phía, tháng 3-1968, Tổng-Thống Johnson tuyên bố không tái tranh cử và hai tháng sau, Hoa-Thanh-Đồn cùng Hà-Nội cử phái đoàn tới Paris để thương nghị. Số phận VNCH đang nằm trên bàn cờ chính trị cũng như lịch sử VN sắp sang một trang mới.

Sau những đợt hành quân giải tỏa năm Mậu-Thân, Đại Tá Võ trở về Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn tại Bến-Cát. Thế là, sau khi chỉ huy Trung Đoàn 9 trên 3 năm, rồi Trung-Đoàn 8 trên 2 năm, Đại-Tá Võ đã thực sự dẫn giết và có công xây dựng thành 2 Trung-Đoàn chủ lực hùng hậu của SĐ5BB. Chính Tướng Phạm-Quốc-Thuần, người đã nắm chức Tư Lệnh SĐ5 hơn 4 năm (có lẽ lâu hơn các vị Tư Lệnh khác) chắc rất hãnh diện và quý mến vị Trung Đoàn Trưởng này. Đổi lại, Đại-Tá Võ được địch quân treo giá tính mạng rất cao. Để có thể chiêu dụ hoặc thanh toán Ông, địch đã dùng nhiều phương cách, kể cả ám sát và mỹ nhân kế v.v. Địch còn dùng thủ đoạn khác là lợi dụng tình cảm quan hệ gia đình từ miền Bắc gửi thư cho Ông. Nhưng chúng đã không thực hiện được một ý đồ nào. Ông và các quân sĩ thuộc quyền, tiếp tục truy lùng và diệt địch, tiếp tục lập chiến công. Những trận đánh tại Phú-Hòa-Đông, bên kia sông tỉnh lỵ Bình-Dương, vòng lên Cầu-Định, Bầu-Bàng, Bầu-Lòng, qua tận Phú-Giáo, hoặc những vụ phục kích trên hành lang di chuyển của địch, bắt sống, hạ sát giao liên - kinh tài, tịch thu vũ khí - tài liệu v.v. khiến hoạt động quấy phá của địch trong vùng trách nhiệm suy giảm rõ rệt. Thời gian này, sự kiện đáng ghi nhớ là một lần nữa, SĐ5BB lại được tuyên dương công trạng trước Quân Đội. Và tất cả quân nhân từ binh sĩ tới cấp Tướng thuộc SĐ hãnh diện được đeo Dây Biểu Chương Bảo Quốc Huân Chương màu đỏ hoàn toàn.

Tuy nhiên, chiến thắng quân sự của VNCH và Đồng Minh năm 1968 không đủ làm nguôi dã tâm chiếm miền Nam của Hồ Chí Minh - Lê Duẩn và Đảng CSVN. Tại Mỹ, việc TT Thiệu chưa chịu gửi phái đoàn qua Paris tham dự hòa đàm trước ngày bầu cử phần nào giúp liên danh Nixon đắc cử khít khao, nhưng chính sách giải kết của Mỹ đã là hòn đá tảng. Tổng thống Nixon gọi TT Thiệu qua Midway thông báo sẽ bắt đầu triệt thoái quân Mỹ và Đồng Minh, nhưng sẽ giúp VNCH tăng gia quân số cũng như trang bị vũ khí hiện đại hơn, trong khuôn khổ kế hoạch *Việt Nam hóa chiến tranh* (Vietnamization). Đích thân TT Nixon, trong chuyến công du Á Châu, đã bí mật ghé Saigon vào hạ tuần tháng 7-1969, cho lệnh quân đội Mỹ triệt thoái nhanh hơn. Chính sách ngoại giao toàn cầu của Mỹ cũng thay đổi dần, từ “đổi đầu” sang “hòa hoãn”, “đổi thoái”. TT Nixon và Cố vấn An Ninh Quốc Gia Henry Kissinger bắt đầu sử dụng cả hai lá bài Liên Xô và Trung-Cộng, để ép Hà-Nội phải chấp nhận một giải pháp chính trị.

Đầu năm 1970, vì quân đội Đồng Minh đã một phần rút khỏi Việt-Nam, trong khuôn khổ kế hoạch Việt-Nam hóa chiến tranh, BTL/SĐ5 di chuyển

lên Lai-Khê, cách quận lỵ Bến-Cát khoảng 5km về hướng đông bắc, nằm trên Quốc lộ 13. Lai-Khê xưa kia là nơi người Pháp xây dựng nhà máy, phòng thử nghiệm cao su và có trồng hàng trăm héc ta cao su làm mẫu. Lai-Khê đã trở thành một căn cứ quân sự quan trọng, nơi đặt Bộ Tư Lệnh một Lữ Đoàn của SD1BB Hoa Kỳ; và khi họ về nước, BTL/SD5BB tiếp nhận căn cứ trên. Bộ Chỉ Huy Trung-Đoàn 8 cùng đóng chung trong căn cứ.

Thời gian này, Tướng Nguyễn-Văn-Hiếu đã thay Tướng Thuần làm Tư-Lệnh. Đại-Tá Võ làm Trung Đoàn Trưởng Trung-Đoàn 8 thêm một thời gian ngắn, trước khi đi thụ huấn tại Hoa kỳ. Và Trung-Đoàn này đặt dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan do Tướng Hiếu đưa từ miền Trung về. Tiếc thay vị Đại-Tá Trung Đoàn Trưởng mới (Bùi Trạch D.) đã thân bại danh liệt trong trận Snoul (nằm giữa tỉnh Kratie và biên giới Việt - Campuchia), khiến cả một Trung-Đoàn chủ lực của SD, với phù hiệu “Chúa Sơn Lâm” trên ngực áo trái, bị thảm bại, nay như người bệnh đang cần chữa trị, thuốc thang để mau có sức hồi phục – cả đơn vị chỉ còn khoảng 500 tay súng. Chính Tướng Hiếu cũng bị ảnh hưởng không tốt sau trận Snoul. Kể từ đây, con đường binh nghiệp của Tướng Hiếu đã rẽ sang một khúc quanh mới (và cuối cùng Ông đã tử nạn tại Văn Phòng Tư Lệnh Phó Quân Đoàn III với lý do “Bất cẩn khi lau chùi vũ khí?”)

Năm 1971, sau khi tốt nghiệp khoá Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp tại Hoa-Kỳ, Đại-Tá Võ được lệnh trở lại SD5BB, với chức vụ Tư-Lệnh-Phó SD. đương kim Tư Lệnh là Tướng Lê-Văn-Hung. Đại-Tá Võ ra sức chấn chỉnh việc phòng thủ căn cứ Lai-Khê, nơi đặt bản doanh chính của Bộ Tư Lệnh SD. Căn cứ Lai-Khê có vòng đai phòng thủ khá rộng. Các pháo đài, các vọng gác làm bằng gỗ thông và bao bọc cát che chắn, có tính dã chiến, tạm bợ, do quân đội Đồng Minh để lại, đã đến lúc phải tu bổ, sửa chữa nhiều. Dích thân Đại-Tá Võ cùng các Đơn vị trưởng đến từng vọng gác, từng pháo đài quanh căn cứ để kiểm soát, đôn đốc, tái thiết lập hệ thống phòng thủ. Ông chỉ thị các đơn vị phải đào những hầm trú ẩn, với nóc hầm hình chữ “A” để giảm thiểu thiệt hại cho binh sĩ khi địch pháo kích v.v. Cũng nhờ vậy mà sau nhiều lần tấn công của đặc công Việt Cộng, khi thì vài toán nhỏ, khi cả tiểu đoàn, cũng không thể nào xâm nhập sâu trong căn cứ. Trái lại, bị lực lượng bố phòng phát hiện kịp thời và phản kích khiến chúng thiệt hại nặng. Có lần, sau một cuộc tấn công xâm nhập, tổng số tử thi đặc công đếm được từ phía ngoài đến vòng đai trong cùng của căn cứ lên tới hơn 40 xác. Đây là con số khá lớn, vì căn bản, tấn công bằng đặc công là sử dụng những toán nhỏ, được huấn luyện rất thuần thục, nhằm gây tổn thất lớn về vật chất và tinh thần cho đối phương. Và lại, phải mất một thời gian lâu dài, địch mới đào tạo bổ sung được hơn 40 đặc công.

Ngoài bản doanh chính tại căn cứ Lai-Khê, Sư Đoàn 5 đặt Bộ Tư Lệnh Hành Quân tại thị trấn An-Lộc, tức tỉnh lỵ Bình-Long, nằm trên Quốc lộ 13, cách Saigon khoảng 100km về hướng bắc. Tướng Hưng và Đại tá Vỹ thường luân phiên có mặt tại An- Lộc để kịp đáp ứng tình hình.

Thời gian này, kế hoạch “Việt Nam hóa” chiến tranh đã gần hoàn tất. Cả Mạc-Tu-Khoa lẫn Bắc- Kinh đều áp lực Hà Nội sớm giải quyết chiến tranh. Lê-Đức-Thọ – nhân vật quyền lực thứ ba trong bộ Chính trị Đảng CSVN – nhiều lần mật đàm tại Paris cùng Cố vấn An Ninh Quốc Gia Mỹ Henry Kissinger, trong chiến lược “vừa đánh vừa đàm”. Về phương diện quân sự, nhân thế thất bại chiến lược của quân lực VNCH tại Hạ Lào và Campuchia, Hà-Nội quyết định mở một đợt tấn công mới trong mùa Xuân-Hè 1972, với miền Đông Nam Việt làm “điểm”, và Quảng-Trị cùng Cao nguyên Trung phần làm “diện”, nhằm tiêu hao lực lượng VNCH và mở rộng lãnh thổ kiểm soát, chuẩn bị cho giải pháp “ngung bả da beo”. Trên mặt trận ngoại giao, Hà-Nội muốn lợi dụng năm tranh cử Tổng-Thống ở Mỹ để ép chính phủ Richard Nixon phải nhượng bộ, ngưng yểm trợ chế độ VNCH của Tổng-Thống Thiệu, hầu thành lập một chính phủ hòa hợp. Hà-Nội còn muốn thành lập một thủ đô cho Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, dưới băng hiệu mới Chính Phủ Lâm Thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, vào tháng 1-1972, do Tướng Abrams dự đoán được ý đồ của Hà Nội – đã gia tăng những cuộc oanh tạc B-52 khiến các trục tiếp vận chiến lược của CSBV bị thiệt hại nặng nề – cuối cùng Bộ Chính trị Đảng CSVN đổi ý, chọn Quảng- Trị làm “điểm” (chủ yếu), mặt trận miền Đông và Cao nguyên chỉ còn là “diện” (hỗ trợ). Hạ tuần tháng 3-1972, đích thân Tướng Bắc-Việt Văn Tiến Dũng mang hơn 1 quân đoàn với đầy đủ tăng pháo vượt qua giới tuyến Bến- Hải đánh chiếm Quảng- Trị.

Khác với những đợt tấn công năm Mậu Thân (2/1968, 5/1968, 9/1968) mà các nhà nghiên cứu và bình luận gọi là cuộc “tấn công tự sát”; lần này Hà Nội, với mục đích tạo ưu thế tại bàn hội nghị, đồng loạt mở 3 mặt trận lớn tại Quảng- Trị, Kon-Tum và Bình-Long.

Những ngày đầu tháng 4-1972, tin tình báo ghi nhận đã có nhiều cuộc chuyển quân của địch từ phía bên kia biên giới, theo hướng bắc và đông bắc tiến gần đến Lộc-Ninh, một quận lỵ thuộc tỉnh Bình-Long, cách thị trấn An-Lộc khoảng 20km về phía tây bắc. Đây là nơi đặt Bộ Chỉ Huy Chiến Đoàn 9 (gồm Trung đoàn 9 BB, tiểu đoàn Biệt động quân, Chi đoàn Thiết giáp, Tiểu đoàn Pháo binh v.v.). Thế rồi, rạng sáng ngày 6 tháng 4 năm 1972, vẫn với chiến thuật quen thuộc tiền pháo hậu xung, lực lượng địch với quân số đông gấp ba quân trú phòng, lại có chiến xa yểm trợ mở cuộc tấn công. Đại Tá Chiến- đoàn- trưởng Nguyễn Công V. cùng một số sĩ quan tham mưu bị bắt làm tù binh. Trong khi đó, thị trấn An-Lộc, tức tỉnh lỵ Bình-Long, bị địch

pháo kích từ mấy ngày trước, mở màn cho những trận mưa pháo ròn rã trên ba tháng trời. Người ta bàng hoàng, lo lắng được tin Lộc Ninh thất thủ. Tướng Hưng và Đại Tá Vỹ đều có mặt tại Bộ Tư Lệnh Hành Quân để điều động quân sĩ trong vùng được gọi là mặt trận Bình Long - An Lộc.

Ngày 13-4-1972, Việt Cộng tung 3 Sư đoàn bộ binh (Công Trường 5, 7, 9), có pháo và chiến xa yểm trợ tấn công. Mở đầu là những trận mưa pháo rót vào thị xã An Lộc từ nửa khuya. Đạn pháo nổ liên tục trải khắp thành phố, rung chuyển mặt đất. Người ta không thể ước tính được có bao nhiêu trái đạn pháo và cũng không định hướng được địch đã pháo từ phía nào. Không kể những vị trí quân sự như Bộ Tư Lệnh Hành Quân/SĐ5, Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Bình-Long, Bộ Chỉ Huy TrĐ 8 v.v., bệnh viện, trường học, chợ, nhà dân, trung tâm tạm cư cho người di tản từ Lộc-Ninh đều bị trúng pháo địch. Cả thành phố chìm trong lửa khói. Rồi bỗng nhiên địch ngừng pháo. Bên ngoài, trời vừa hừng sáng, những cột khói đen vươn lên cao. Người ta nghe được tiếng máy gầm gừ của đoàn cơ giới tiến vào thị xã. Không! Không thể làm được! Chiến xa địch đang di chuyển vào thị xã, càng lúc càng gần Bộ Tư Lệnh Hành Quân. Đây là lần đầu địch sử dụng chiến xa tại chiến trường miền Đông và cũng là lần đầu tiên, binh sĩ của ta phải đối phó, nên có phần nào hoảng hốt, bối rối.

Nhưng lạ thay, các họng súng đại bác trên chiến xa không thấy nhả đạn, địch hình như đang dò tìm mục tiêu. Chúng đã mất phương hướng! Một chiếc T54 đang nghiêng xích sắt trên mặt đường sát bên hông BTL/Hành Quân. Mọi người, từ binh sĩ tới Tư Lệnh chiến trường, đều nín thở như chờ đợi một thảm họa và hầu như phó mặc cho số phận. Bỗng Đại-Tá Vỹ lao khỏi hầm, với nón sắt, áo giáp và đặc biệt khẩu súng chống chiến xa M72 trên tay, theo sau là Trung úy sĩ quan tùy viên. Tới bờ tường phòng thủ, vừa lúc chiến xa địch vượt qua khỏi cổng chính khoảng 20 mét, Ông quỳ người, giữ tư thế tác xạ, đưa M72 lên vai. Người sĩ quan tùy viên kế bên, khom người quan sát. Mọi người trong hầm chỉ huy hồi hộp phóng tầm nhìn qua lỗ châu mai. Một tiếng nổ lớn nhưng khô khan. Hỏa tiễn rời ống phóng, tiến thẳng tới xe tăng địch và một luồng lửa đỏ tóang về phía sau. Chiến xa địch bị trúng hỏa tiễn, bốc khói nhưng vẫn cố di động trước khi trở thành một khối sắt xám xịt vô dụng bên vệ đường.

Quân sĩ từ trong hầm chỉ huy đổ ra ngoài reo hò mừng rỡ. Bấy giờ người ta mới thực sự tin M72 đã bắn hạ chiến xa địch mà suốt mấy năm qua, từ khi được trang bị, chưa có cơ hội tác xạ. Ai ngờ ngày hôm đó, trong cơn nguy khốn, vị Đại Tá Tư Lệnh Phó chiến trường lại làm nhiệm vụ một khinh binh, đích thân sử dụng M72 triệt hạ xe tăng T54 của Bắc Việt. Câu chuyện Đại Tá Vỹ bắn hạ chiến xa địch lan truyền, tinh thần quân sĩ trú phòng tại Bình Long - An Lộc lên cao. Đó đây có những báo cáo về Bộ Tư Lệnh, cho biết



đã bắn hạ thêm nhiều chiếc khác. Hình như chiến xa địch bị vô hiệu hoá vì không có bộ binh phối hợp, có lẽ do hiệu quả những đợt phi cơ B52 trải nhiều thảm bom suốt ngày đêm hôm trước.

Vì Hà-Nội mở chiến dịch Xuân Hè 1972 khắp 3 vùng chiến thuật, lực lượng Tổng trừ bị VNCH (Dù và Thủy Quân Lục Chiến-TQLC) bị phân tán mỏng. Sau đó, Bộ Tổng Tham Mưu giữ TQLC ở vùng I, và đưa Nhảy Dù về vùng III và vùng II. Quân Đoàn III còn được tăng phái một số đơn vị của Quân Đoàn IV, thuộc SĐ21BB, SĐ9BB. Liên Đoàn Biệt Cách Dù cũng vào mặt trận hầu có thể sớm giải tỏa An Lộc. Nếu An Lộc thất thủ, Sài Gòn tất nhiên bị đe dọa.

Trong khi các lực lượng giải tỏa gặp rất nhiều khó khăn tại các nút chặn quanh thị xã An-Lộc, nhất là tại Xa Cam, khoảng 10km về phía nam, thì lực lượng tử thủ bên trong thị xã như sống trong hỏa ngục. Hàng ngày, cái thị trấn nhỏ bé nhận nhiều ngàn đạn pháo rớt vào, cộng thêm tiếng bom nổ từ các phi cơ oanh kích chiến xa địch, từng đợt tiến gần thị xã và tiếng bom do B52 trải xuống quanh vùng đội lại v.v. tưởng như An-Lộc đang bị rung chuyển trong cơn địa chấn. Liên lạc từ BTL Hành Quân đến các đơn vị bên ngoài bị gián đoạn. Tinh thần mọi người quá căng thẳng và rơi vào tình trạng khủng hoảng. Cũng có thể nhận xét của Tướng Hollingsworth, Cố vấn Quân Đoàn III, rằng Tướng Hưng, Tư Lệnh chiến trường, như người “mất hồn” và “không làm được việc gì cả” là quá khất khe chăng?

Địch quân mở thêm vài ba đợt tấn công nữa nhưng đều thất bại. Tuy nhiên, An-Lộc bị vây hãm càng lâu, tinh thần quân sĩ trú phòng càng xuống. Thiếu ngủ, thiếu dinh dưỡng, thiếu nước, v.v. lại thêm môi trường ô nhiễm vì xác tử thi đã thối rữa, bốc mùi v.v. thực không sao tả hết được nỗi kinh hoàng cùng cực của các chiến sĩ tử thủ An-Lộc mấy chục năm về trước (cũng vào THÁNG TƯ quái ác). Vì “tất cả cho chiến trường”, cho nên kế hoạch tiếp tế, tản thương đã lập tức thực hiện song song với việc giải tỏa. Việc tiếp tế thả dù khởi đầu không được như ý. Phi cơ phải tránh phòng không địch, nên bay quá cao và có nhiều kiện hàng rơi không đúng nơi dự tính. Lại thêm địch tiếp tục pháo nên việc đón nhận các tiếp liệu phẩm gặp khó khăn. Đã có những quân nhân tử nạn vì bị kiện hàng rơi trúng, không kịp tránh. Có nhiều quân nhân khác bị trúng đạn pháo trước khi chạm tay vào các vật phẩm tiếp tế.

Dẫu vậy, không như Cổ Thành Quảng-Trị ở Vùng I hay Tân-Cảnh (Dakto) ở Vùng II, thị trấn An-Lộc, sau hơn ba tháng mịt mù khói lửa, đã đứng vững, chứng minh tinh thần anh dũng, quyết chiến của các chiến sĩ tử thủ cũng như giải tỏa, trong mặt trận Bình Long - An Lộc. Kết thúc trận chiến, sau này theo thống kê, cả hai bên đều thiệt hại nặng. VNCH vẫn kiểm soát được các tỉnh ly, huyện ly (trừ Lộc-Ninh) và thị trấn trên Quốc lộ 13, đoạn Bình

Dương - Bình Long, Việt Cộng kiểm soát vùng nông thôn và ven ranh. Di chuyển lên Bình Long, Phước Long, phải dùng phi cơ, không còn thênh thang đường bộ như năm trước.

Rời chiến trường Bình Long - An Lộc, một trận chiến làm rung động thế giới, Đại Tá Vỹ về làm Phụ Tá Hành quân Tư Lệnh Quân Đoàn III rồi được chỉ định làm Tư Lệnh lực lượng đặc nhiệm (gồm liên đoàn Biệt Động Quân, Thiết Giáp, Pháo Binh v.v.). Ngoài ra, Ông cùng một phái đoàn được đi du ngoạn Đài Loan gọi là để tưởng thưởng các chiến sĩ hữu công. Sư Đoàn 5BB cũng có một Tư Lệnh mới, Đại Tá Trần- Quốc- Lịch thay Tướng Hưng từ sau trận chiến An Lộc. Những cuộc giao tranh ác liệt không còn, thỉnh thoảng địch “đóng chốt” hoặc bắn xẻ.

Năm 1973, Đại- Tá Vỹ chuyển về Sư- Đoàn 21 BB, giữ chức Tư Lệnh Phó. Ít lâu sau, chính Tướng Hưng lại về làm Tư Lệnh Sư- Đoàn 21 một thời gian trước khi nhận chức Tư Lệnh Phó Quân- Đoàn IV. Rừng núi miền Đông Nam Phần khác với vùng sinh lầy miền Tây. Hơn hai mươi năm trước, Thiếu Úy Vỹ đã cùng bao đồng đội, lao mình ra khỏi phi cơ ở độ cao mấy ngàn bộ, khi thì nhảy ngay trên đầu địch, khi thì nhảy xuống sau lưng địch, đánh bọc hậu, thì nay, dù Sư- Đoàn 5 hay Sư- Đoàn 21, dù Quân Đoàn III hay quân Đoàn IV, đời chiến binh đâu chẳng là nhà. Và nhiệm vụ nào thượng cấp đã giao, phải ra sức chu toàn. Với nhiệm vụ của một Tư Lệnh Phó, Đại-Tá Vỹ thường bay thị sát trong vùng và không may, trong một phi vụ quan sát, máy bay gặp nạn, Ông bị văng ra khỏi phi cơ, nhưng như có phép lạ, chỉ bị gãy xương ống chân và xây xát, bầm tím trên mặt, trên thân thể. Tiểu đoàn 21 Quân Y giao cho bác sĩ Lê-Mạnh Hùng đưa Đại-Tá Vỹ về Tổng Y Viện Cộng Hòa. Còn sống sót khi máy bay gặp nạn là điều hiếm thấy và quân y viện đã săn sóc, bó bột chân; xong để Ông về nhà dưỡng thương ba tháng trước khi tháo băng bột.

Thời gian dưỡng thương, đi lại phải nhờ vào cặp nặng nhôm quân y viện cho mượn, sinh hoạt cần thiết hàng ngày đôi lúc phải nhờ người khác. Nhưng đây cũng là thời gian hiếm có trong đời để nhớ về những trận đánh, những chiến trường và những chiến công. Là một chiến sĩ từng xông pha ngoài trận tuyến, dày dạn chiến trường, mà nay chỉ làm bạn với chiếc máy thu thanh, thu hình. Tin tức chỉ xoay quanh Việt Cộng vi phạm hiệp định bao nhiêu lần, đã đón nhận bao nhiêu tù binh, giành dân lấn đất ở đâu v.v., Ông thường tự hỏi chẳng lẽ mang danh chiến sĩ mà cứ loanh quanh trong căn phòng hơn 20 mét vuông với đôi nặng hay sao?....

Thoát đã gần 3 tháng, còn 2 tuần nữa là tới ngày tháo bột. Những bằng hữu, chiến hữu lui tới thăm hỏi cũng thưa dần. Trong khi ấy, sau trận chiến An Lộc, Sư Đoàn 5 BB cần được bổ sung và chỉnh đốn về mọi mặt, từ quân số đến trang thiết bị. Đại Tá Trần Quốc Lịch, đã được thăng cấp Chuẩn Tướng.

Bộ Tham Mưu/SĐ gồm Đại Tá Tham Mưu Trưởng Đ., Trưởng Phòng 1 H., Trưởng Phòng Tổng Quản Trị T.H., Trưởng Phòng 4, Tiểu Đoàn Tiếp Vận, Trung Tâm Huấn Luyện Sư Đoàn v.v. cộng với các Trung Đoàn Trưởng mới, tập hợp thành một “.....” (không biết dùng từ nào cho thích hợp), làm Sư Đoàn “tuột dốc” thê thảm. Nạn bè phái, chạy chọt chức vụ, cấp bậc, lo lót về đơn vị yểm trợ, lính ma, lính kiểng, ăn chơi, trụy lạc v.v. khiến Trung Ương không thể dung dưỡng được lâu. Và kết quả, Chuẩn Tướng Lịch bị cách chức Tư Lệnh, giáng cấp, chờ ngày ra toà (dịp này, Chuẩn Tướng Lê-Văn-Tu/SĐ25BB cũng bị cách chức và giáng cấp).

Vào một ngày đầu tháng 11-1973, Đại Tá Vỹ nhận lệnh về đảm nhiệm chức vụ Tư Lệnh Sư-Đoàn 5 BB với trọng trách chấn chỉnh, thanh lọc và lấy lại uy danh ngày xưa của Sư-Đoàn. Thời gian này, Trung Tướng Phạm-Quốc-Thuần đã thay Tướng Nguyễn- Văn- Minh làm Tư Lệnh Quân Đoàn III và Quân Khu III. Lệnh trên đã ban ra, buộc Đại-Tá Vỹ phải yêu cầu các quân y sĩ tháo băng bột ở chân sớm hơn dự định một tuần và ngày 7 tháng 11-1973, lễ bàn giao diễn ra tại Bộ Tư Lệnh/SĐ ở Căn Cứ Lai- Khê.

Trở lại chiến trường miền Đông lần này, lại nhận một trọng trách lớn, Đại-Tá Vỹ bắt tay ngay vào việc chấn chỉnh, sắp xếp các sĩ quan ở Trung Đoàn và Bộ Tham Mưu. Ông rất hài lòng với ba Trung Đoàn Trưởng mới: Trung-Tá Quế, từ đơn vị Biệt Cách Nhảy Dù chỉ huy Trung Đoàn 9; Trung Tá Hùng, thụ huấn tại Trường Chỉ Huy Tham Mưu, về chỉ huy Trung Đoàn 8; và Trung Tá Vượng, chỉ huy Trung Đoàn 7. Trường hợp Trung Tá Vượng tưởng cũng nên mở đầu ngoặc để nói thêm: Ông từ binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, về Sư Đoàn 5, được chỉ định làm ... sĩ quan Thanh Tra! Đại Tá Vỹ, không muốn phí phạm nhân lực và muốn tạo cơ hội tốt cho Trung Tá Vượng, nên đã trao Trung Đoàn 7 cho Ông. Đối với Bộ Tham Mưu Sư-Đoàn, trải qua những kinh nghiệm chiến trường và những phúc trình đầy đủ, Đại- Tá Vỹ muốn có một phụ tá biết xử dụng khả năng, sức mạnh của thiết giáp, kỵ binh nên Đại- Tá Thoàn thuộc binh chủng Thiết Giáp đã về làm Tư Lệnh Phó/SĐ, và Trung Tá Đ.Đ.Chinh, một Sĩ Quan Tham Mưu nhiều năm kinh nghiệm thay Đại Tá Đãng trong chức vụ Tham Mưu Trưởng. Dĩ nhiên phần lớn các trưởng phòng thuộc Bộ Tham Mưu/SĐ cũng lần lượt ra đi. Thế là SĐ5BB bây giờ đã mang một bộ mặt mới và quân sĩ đã có niềm tin mới vào các cấp chỉ huy. Con đường trước mặt là phải ngăn chặn và giáng trả những vi phạm, phải giành lại những nơi mà địch lấn chiếm sau hiệp định tháng 1-1973, tới nay còn đóng “chốt” và cố thủ. Ngoài ra, việc phòng thủ các vị trí đóng quân cũng là mối quan tâm lớn của vị tân Tư Lệnh. Bài học đắt giá từ chiến trường An-Lộc khiến các đơn vị đã tích cực hơn nhiều trong việc thiết lập hệ thống phòng thủ. Ngoài việc đào giao thông hào quanh đơn vị, lập hầm trú ẩn an toàn cho binh sĩ, mỗi đơn vị bắt buộc phải đào một

giếng nước v.v. Riêng vòng đai phòng thủ căn cứ, ngoài hệ thống mìn bẫy dĩ nhiên phải có, Đại Tá Võ đặc biệt giao cho Tiểu Đoàn 5 Công Binh sản xuất thực nhiều chông nhỏ rải xung quanh các pháo đài quanh căn cứ. Loại chông này, lấy vật liệu từ kẽm gai, có hình dáng như 4 cái đinh, mỗi đinh dài khoảng 3cm, mũ của đinh tụ lại ở giữa, bốn đầu nhọn của đinh có ngạnh giống lưỡi câu, hướng ra ngoài. Khi chông rải ra, lúc nào cũng có một mũi nhọn hướng lên trời để chờ đợi những bàn chân “đi giải phóng”. Đại Tá Võ muốn tạo niềm tin cho các quân sĩ, tin vào khả năng tác chiến, tin vào vũ khí và hỏa lực, tin vào hệ thống phòng thủ vững chắc và nhất là tin vào tinh thần quyết chiến của cấp chỉ huy cùng đồng đội, thì cho dù tiền pháo hậu xung, cho dù biển người, cho dù xe tăng T54, T56 v.v. cũng không làm sờn lòng chiến sĩ SĐ5.

Tuy rất bận rộn với công vụ, Đại Tá Võ thường dành vài giờ mỗi tháng để nhận nhủ hoặc tâm tình cùng quân sĩ tại võ đường của SĐ. Đặc biệt, rút kinh nghiệm chiến trường An Lộc, Ông đã chỉ thị Trung Đoàn 8 cho tác xạ biểu diễn hỏa tiễn TOW (được trang bị từ cuối năm 1972), một loại hỏa tiễn tối tân có thể điều khiển tìm mục tiêu, để quân sĩ trú phòng vững tin hơn. Thời gian này, Sư Đoàn lại được bổ sung hai Sĩ Quan nhiều kinh nghiệm tham mưu và chiến trận: Đại Tá Nguyễn Mạnh Tường và Đại Tá Từ Vấn. Đại Tá Tường xuất thân binh chủng Nhảy Dù, trước khi về SĐ là Tiểu Khu Phó TK/Bình Định; Đại Tá Vấn nguyên là Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn Biệt Động Quân thuộc Vùng II Chiến Thuật.

Về an ninh diện địa, trong vùng trách nhiệm của SĐ5BB, Việt Cộng vi phạm Hiệp Định ngừng bắn nhiều lần, nhưng chỉ lẻ tẻ và ở mức độ thấp. Đơn vị tác chiến của SĐ đã trực tiếp giáng trả hoặc hỗ trợ các đơn vị Địa Phương Quân, Nghĩa Quân giành lại thôn, ấp xa xôi do địch tạm chiếm. Tuy nhiên vào khoảng gần cuối năm 1974, cách quận lỵ Bến Cát hơn 10km về phía tây nam, đồn Rạch Bắp bị địch tràn ngập. Đây là một trọng điểm kiểm soát hành lang di chuyển của địch. Lực lượng đồn trú bị tổn thất nhẹ và đã rút ra ngoài an toàn. Bộ Tư Lệnh chỉ thị Trung Đoàn 9 phải đưa một đơn vị hành quân giải tỏa. Địch đã rút lui về vùng Tam Giác Sắt chỉ để lại chừng một trung đội cố thủ tại đây. Trải qua mấy ngày đầu, lực lượng tái chiếm vẫn dậm chân tại chỗ. Địch núp dưới giao thông địa đạo tránh bom và pháo. Khi ta xung phong lại gặp hỏa lực dữ dội của địch. Cho nên đơn vị của TrĐ 9 đến giải tỏa, thay đổi chiến thuật. Trong khi cả tiểu đoàn vây hãm vòng ngoài, có những toán nhỏ với vũ khí nhẹ và lựu đạn, xâm nhập và tiêu diệt từng ổ kháng cự. Thế là cũng với quân số tương đương, ta chiếm lại được Rạch Bắp. Niềm vui chiến thắng kéo dài tới ngày Quốc Khánh 1-11-1974, ngày Đại Tá Lê- Nguyên- Võ được vinh thăng Chuẩn- Tướng. Một số các quân nhân khác cũng được tưởng thưởng và thăng cấp trong dịp lễ kỷ niệm này.

Đặc biệt sắc lệnh thăng thưởng cấp Tướng chỉ có hai vị: H.V.Lạc lên Chuẩn Tướng thực thụ, và Lê- Nguyên- Vỹ nhiệm chức.

Khoảng trung tuần tháng 12-1974, từ phía đông bắc căn cứ Lai- Khê, tin dữ đưa về: Việt Cộng tấn công một số chi khu của tỉnh Phước- Long như Đôn- Luân, Đức- Phong và đang uy hiếp tỉnh lỵ. Mọi liên lạc tiếp viện, yểm trợ không thể dùng đường bộ, chỉ hoàn toàn trông vào không lực VNCH. Trong khi phi trường Biên Hòa, phi trường Phước Long, và BTL/SĐ5 bị pháo liên tục thì Sư đoàn 7 của địch, có tăng và pháo yểm trợ mỗi ngày một xiết chặt vòng vây quanh Phước- Long. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III đã không vận tăng cường đến Phước Long lực lượng Biệt Cách Dù, một tiểu đoàn bộ binh và 3 đại đội trinh sát. Ngoài ra rất nhiều phi tuần đánh bom quanh tỉnh lỵ. Nhưng vì đánh giặc theo kiểu “con nhà nghèo”, bắn một viên đạn, thả một trái bom đều phải tính thành tiền; vả lại làm gì còn B52 thả bom thảm theo yêu cầu nữa, lại không còn một lực lượng Tổng Trừ Bị nào tăng phái cho Quân Đoàn, vì thế Phước- Long chỉ cầm cự được thêm ít lâu và thất thủ vào ngày 6-1-1974. Đây là tỉnh lỵ đầu tiên của VNCH bị địch lấn chiếm trong chiến dịch “tầm ăn dâu” hay là “giành dân lấn đất”.

Không biết do áp lực nào, Tổng Thống Thiệu đưa Tướng Du- Quốc- Đống về thay Tướng Thuận. Hình như Tướng Đống cũng lập kế hoạch giải tỏa và cần tăng viện một sư đoàn, nhưng không được đáp ứng vì không đủ quân, nên có ý xin từ chức. Rồi vài tháng sau, Tướng Nguyễn- Văn- Toàn thay Tướng Đống. Tướng Thuận, Đống hoặc Toàn làm tư lệnh, Phước- Long vẫn nằm trong tay Việt Cộng và hình như Phủ Tổng Thống hay Bộ Tổng- Tham- Mưu đã quay mặt với lý do nơi đây không phải là vị trí chiến lược quan trọng. Chỉ trong vòng 3 tháng mà hai lần thay Tư Lệnh quân đoàn bảo vệ Saigon. Rồi lại một tin không vui từ Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III truyền đi: Tướng Hiếu đã tử nạn!!! Nghe tin này, người ta thực hoang mang và xúc động.

Trong khi đó, sau khi chiếm được Phước- Long, Việt Cộng tăng lời những chống đối, lên án, tại Ủy ban kiểm soát đình chiến, tại Ban liên hợp quân sự v.v. cứ khăng khăng “chỉ đánh trả lại những vi phạm Hiệp định Paris” của VNCH. Quan trọng hơn hết, Hoa- Kỳ không có phản ứng, hoặc phản ứng lầy lẹ. Dĩ nhiên, đối với Hoa-Kỳ, chiến tranh VN đã là dĩ vãng. Kể từ năm 1967, họ đã từng bước lập kế hoạch, nào là thư từ qua lại, nào là đi đêm, hoạt động con thoi, nào là qua trung gian các cường quốc rồi chiến tranh cục bộ, Việt Nam hóa chiến tranh, rồi leo thang, rồi ném bom Hà Nội v.v. Cuối cùng, gần 6 năm sau, đúng nửa đêm ngày 27 rạng 28-1-1973 giờ quốc tế, có một bản văn được ký kết tại Hội nghị Paris với tên gọi “Hiệp Định về Chấm Dứt Chiến Tranh và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam” theo nhu cầu và quyền lợi của quốc gia Hoa Kỳ. Hơn 60,000 lính tác chiến Mỹ còn lại đã triệt thoái.

Hầu hết tù binh Mỹ được phóng thích, kể cả Đại tá Không quân John McCain – từng là ứng cử viên Tổng thống Mỹ – sau hơn 5 năm đủ mùi vị đầy đọa, hạ nhục tại Hỏa Lò Hà-Nội. Dù đã tiên liệu được dã tâm chiếm trọn miền Nam của Lê-Duẩn và Đảng CSVN, nhưng TT Nixon và Ngoại trưởng Kissinger không có một lựa chọn nào khác, đành vui hưởng cái gọi là “hòa bình trong danh dự” [peace with honor] từ mùa Xuân 1973. (Không biết đây có phải là Mỹ đã “thua” và phải “tháo chạy” như có người đã nhận xét?).

Tại Bộ Tư Lệnh SĐ5BB, đầu năm 1975, Đại Tá Từ- Vấn giữ chức vụ Tham-Mưu- Trưởng thay Đại- Tá Chinh xin chuyển. Đại Tá Nguyễn-Mạnh- Tường, theo trên cho biết, có liên hệ đến vụ đảo chánh 11-11-1960, nên không được chấp thuận chức vụ Tham- Mưu- Trưởng. Tướng Vỹ chỉ định Ông làm Phụ Tá Hành Quân.

Nhìn chung Quân đội VNCH giai đoạn này, đã ở thế thủ. Viện trợ quân sự bị cắt giảm nhiều, không đủ lực mở những cuộc hành quân quy mô, có tăng, có pháo và phi cơ yểm trợ đầy đủ như trước. Tướng Vỹ cho biết, trong tình hình xấu nhất, Ông có thể cầm cự 6 tháng không cần tiếp tế.

Nhưng Hà Nội bắt đầu phát động chiến dịch Xuân-Hè 1975, với hy vọng làm ăn ở miền Tây nguyên. Ba sư đoàn Bắc quân, được tăng pháo và đặc công yểm trợ, tấn công và chiếm được thị xã Ban- Mê- Thuột, nơi đặt Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 BB vào thượng tuần tháng 3-1975. Tư lệnh Quân đoàn II và Bộ Tổng- Tham- Mưu hoàn toàn bị bất ngờ. Giữa lúc các lực lượng cơ hữu của QĐ II đang lo tái chiếm Ban Mê Thuột, TT Thiệu triệu tập một phiên họp mật với Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Đại Tướng Cao Văn Viên và Trung Tướng Đặng Văn Quang tại hành lang Dinh Độc Lập, tiết lộ đã quyết định triệt thoái khỏi Pleiku và Vùng I chiến thuật, rút về lập tuyến phòng thủ Phan Rang - Ban Mê Thuột. Lý do chính là phái đoàn Nghị sĩ mới từ Mỹ về cho biết viện trợ tài khóa 1975-1976 lại bị cắt giảm. TT Thiệu đành phải thực hiện chiến lược “đầu bé, đít to” – cắt nhỏ dần lãnh thổ kiểm soát, cốt sao giữ được Vùng III và Vùng IV. Quyết định này được thông báo cho Tướng Trưởng ngày 12-3-1975: Hoàn trả Nhảy Dù về Sài Gòn; nếu cần, triệt thoái Huế, về giữ Đà Nẵng. Hai ngày sau, TT Thiệu cùng các Tướng Khiêm, Viên và Quang bay ra Cam Ranh, họp mật với Tướng Phạm- Văn- Phú, và cho lệnh triệt thoái Kontum - Pleiku. Tướng Phú đề nghị cho hành quân cấp Quân Đoàn dài theo Quốc lộ 7-B – từ ngã ba Thuận Mãn trên lộ 14, xuống Cheo Reo (Phú Bổn), Củng Sơn, rồi Tuy Hòa. Vì lý do “bảo mật”, ngay ngày 16-3, toàn bộ lực lượng QĐ II bắt đầu rút khỏi Pleiku. Các lực lượng Cảnh sát, Địa Phương Quân và Nghĩa quân đều bị bỏ lại. Ngay trong đêm 16-3, hỗn loạn đã bùng nổ ở Pleiku, khi Sư Đoàn 6 Không Quân di tản gia đình và thân nhân. Hàng chục ngàn dân chúng Pleiku thu góp tài sản đổ về đường 7-B. Tướng CSBV Văn Tiến Dũng, dù bất ngờ, cũng sai quân đuổi

theo truy kích. Đoàn di tản bị kẹt đọng lại ở Cheo Reo, và rồi Củng Sơn. Quốc lộ 7-B trở thành địa ngục trần gian cho những quân nhân QĐ II di tản. Toàn bộ xe tăng, thiết giáp và pháo bị lọt vào tay CSBV. Chưa đầy 5000 người di tản tìm được về Tuy Hòa. Tư lệnh lực lượng bảo vệ, Chuẩn Tướng Tất, bị bắt sống. Trục thăng cứu thoát được Chuẩn Tướng Cẩm, Tư lệnh phó QĐII, về Tuy Hòa, nhưng sau này vẫn lọt vào tay CS.

Lý do TT Thiệu ra lệnh triệt thoái, tới nay vẫn còn là dấu hỏi lớn, vì đã mở đầu cho sự sụp đổ hoàn toàn của miền Nam Việt Nam. Người ta nghĩ rằng trước khi trở thành Tổng Thống, Ông đã là một Trung Tướng, đã là Bộ Trưởng Quốc Phòng, vậy thì đằng sau quyết định đó, có ẩn ý gì? ... Chỉ chắc một điều là quyết định này không do Mỹ chỉ thị để có thể “tháo chạy”. Đại tướng Khiêm và Trung tướng Quang đã khiến các nhân viên Mỹ cực kỳ bức dọc vì không thông báo cho Mỹ biết việc này, khiến các nhân viên Mỹ ở vùng II và Vùng I thất điên bát đảo.

Hạ tuần tháng 3-1975, sau khi cuộc triệt thoái cao nguyên trở thành thảm bại, TT Thiệu cho lệnh Tướng Trưởng bỏ ngỏ các tỉnh Quân khu I, rút về tử thủ Đà Nẵng. Nhưng ngày 29-3, Đà Nẵng bị bỏ ngỏ. Các tỉnh duyên hải miền Trung cũng lần lượt sụp đổ như lâu đài trên bãi cát. Ngay đến Phan Rang, quê hương của TT Thiệu, cũng di tản từ ngày 2-4-1975.

Lữ Đoàn 3 Dù đang trên tàu về Sài Gòn, được lệnh đổ bộ xuống Nha Trang, rồi từ đây kéo lên Khánh Dương, chốt chặn mức tiến của SĐ 10 CSBV. Một Lữ đoàn Dù khác, cùng một số quân nhân của SĐ 2 BB và SĐ 6 KQ, được điều ra Phan Rang lập Bộ Tư Lệnh Tiên Phương Quân Đoàn III. Nhưng chốt phòng thủ chiến lược này bị cánh quân miền Đông của Lê Trọng Tấn, với quân số hơn 1 quân đoàn, đánh tan trong hai ngày 16/17-4-1975.

Ngày 18-4-1975, Long Khánh bỏ ngỏ. Tướng Toàn phải di tản Không quân xuống Cần Thơ. Mặc dù hai Sư Đoàn 25 BB và 5 BB còn trấn giữ phía Tây Bắc và Bắc Sài Gòn, tình thế đã tuyệt vọng. Bắc quân lên tới hơn 3 quân đoàn, với tăng, pháo hợp đồng. .

Tối 21-4-1975, TT Thiệu bàn giao cho Phó TT Trần Văn Hương, để “trở lại chiến đấu bên các chiến hữu”. Nhưng bốn ngày sau, hai ông Thiệu, Khiêm bí mật rời Sài Gòn bằng phi cơ Mỹ. TT Hương cũng chỉ ở Dinh Độc Lập được một tuần lễ, rồi ủy quyền cho Quốc Hội. Chiều ngày Thứ Hai, 28-4-1975, Đại Tướng Dương Văn Minh tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống – với hy vọng đạt một giải pháp màu hồng với Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam(MTDT/GPMN). Điều Tướng Minh và nhiều chuyên gia ngoại quốc không biết là vai trò MTDT/GPMN đã hầu như chấm dứt. Lê Duẩn – người không ngừng cổ võ “*cách mạng là tấn công*” – cho lệnh phải giải quyết càng sớm càng tốt, nếu có thể trước năm 1976 như dự định.

Tướng Minh và Thủ tướng Vũ Văn Mẫu không chọn đường tử thủ. Sáng ngày 29-4-1975, Thủ Tướng Mẫu chính thức yêu cầu người Mỹ rút khỏi VN, đóng cửa văn phòng tùy viên quân sự (DAO) – một bước ngoại giao có tính toán giúp Mỹ rảnh tay ra đi.

Cũng ngày 29-4-1975 này, Tướng Toàn và Bộ Tư Lệnh QĐ III từ Biên Hòa di chuyển về Gò Vấp, 5km bắc Thủ đô Sài Gòn. Riêng Sư Đoàn 5 BB, lực lượng vẫn bảo toàn nguyên vẹn. Theo Tướng Vỹ, có thể địch tránh không muốn đụng SĐ5, nên chúng pháo cầm chân và tiến quân về Sài Gòn theo hai hướng đông và tây của Lai Khê, đồng thời đặt các nút chặn phía nam của Lai Khê, Bình Dương. Sư Đoàn 5 cũng được lệnh chuẩn bị di chuyển về phía nam để tái phối trí. Sáng 30 tháng 4-1975, sau buổi họp Tham Mưu thường lệ chừng một tiếng đồng hồ, người ta bàng hoàng nghe tin TT Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Ông còn nhân danh Tổng Tư Lệnh Quân Đội ra lệnh cho quân nhân các cấp buông súng, chờ bàn giao! Đúng là sét đánh ngang tai!

Tướng Vỹ lúc đó ưu tư nhiều, vẻ mặt trầm lặng, khác với bản tánh thường ngày. Lúc ăn trưa, Ông tâm sự với một số sĩ quan tham mưu thu hẹp bên cạnh, nét mặt bình thản khác thường: *“Lệnh trên đã ban ra, phải thi hành. Hơn nữa, con em người ta giao cho mình, không lẽ đem nướng vào giờ thứ 25 sao? Đối với các anh em thì tùy ý quyết định”*. Sau đó Ông đi về phía trailer (phòng lưu động của quân đội) dùng làm phòng ngủ riêng cho Tư Lệnh.

Ít phút sau, hai tiếng nổ khô khan vọng ra. Mọi người hốt hoảng chạy tới. Tướng Vỹ đã dùng khẩu súng ngắn của Ông để tự sát. Vết đạn xuyên từ phía dưới cắm lên đầu. Các Sĩ Quan hiện diện kính cẩn nghiêng mình, không cảm được nước mắt. Lúc ấy là 12 giờ rưỡi trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Trong khi mọi người vội vã đưa thi hài Tướng Vỹ an táng tạm trong vòng đai căn cứ thì phía ngoài hàng rào phòng thủ, Việt Cộng dùng loa phóng thanh, âm lượng thật lớn kêu gọi mọi người bên trong đầu hàng. Khoảng 3 giờ chiều, Bộ Tham Mưu và các đơn vị mới tự động rời khỏi căn cứ, không có súng nổ. Nhưng mới qua khỏi quận lỵ Bến Cát, bị địch chặn lại, tịch thu tất cả vũ khí, quân trang dụng. Hạ sĩ quan trở xuống cho tự túc về địa phương, sĩ quan giữ lại, phân theo cấp bậc để đưa đi tù. Trang quân sự về Sư Đoàn 5 Bộ Binh chấm dứt ở thời điểm này.

\* \* \*

Từ lâu, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, rồi sau những năm tháng bị Việt Cộng giam cầm, hành hạ, tôi đã có ý định ghi lại vài kỷ niệm về Sư Đoàn 5 Bộ Binh và Tướng Lê-Nguyên-Vỹ. Đã mấy chục năm trôi qua, tôi chưa thực hiện được ý nguyện này. Khi còn ở trong nước cũng như kể từ khi định cư



tại Mỹ, biết bao câu hỏi của bằng hữu, của đồng đội, của người thân xoáy sâu mãi trong tâm trí tôi. Ai cũng yêu cầu tôi nói đôi điều về Tướng Võ. Tôi biết ở đâu đó, rải rác một vài dòng trên báo chí, hay vài phút trong một chương trình phát thanh tiếng Việt, không đủ thỏa mãn người đọc, người nghe. Lại nữa, tôi là một sĩ quan của Sư Đoàn 5BB, suốt 10 năm rưỡi trong quân ngũ, 2 năm dành cho quân trường và một đơn vị ngoài Sư Đoàn, 8 năm rưỡi còn lại dành cho Sư Đoàn 5 và tôi đã khoác quân phục mang huy hiệu SĐ5BB tới ngày cuối cùng. Ai mà không hãnh diện khi có dịp nhắc đến đơn vị của mình, lại còn hãnh diện hơn nữa khi nhắc đến cấp chỉ huy đơn vị đã anh dũng, can đảm tận tiết, quyết không chấp nhận đầu hàng địch. Ngày nào chưa ghi được đôi dòng, dù là không đầy đủ lắm về Tướng Lê Nguyên Võ, tôi còn rất áy náy, như gánh nặng chưa trút xuống được và thấy mình mắc một món nợ chưa kịp trả. Món nợ ấy là niềm hãnh diện mà Tướng Võ đem lại cho SĐ5BB nói riêng và Quân lực VNCH nói chung. Tướng Võ là người lính chiến đấu ngoài mặt trận với đầy đủ cái OAI cái DŨNG của nhà Tướng. Tôi cũng muốn nhắc nhở một sự thực mà người ta muốn chối bỏ là Miền Nam có nhiều dũng tướng, thành mất, Tướng phải chết theo thành, như Tướng Lê-Nguyên-Võ đã làm.

30 tháng 4-1975, ngày tang lớn. Những bàng hoàng, xúc động, nay đã lắng dịu phần nào. Cuộc sống nơi xứ người và tuổi 70 ngoài, khiến tâm trí tôi bình thản hơn. Đôi dòng đơn sơ trên là những sự thực về Tướng Võ mà tôi biết, dĩ nhiên chưa phải là tất cả. Dầu sao, đây là những dòng tâm thành, thay nén nhang dâng lên tưởng niệm vị anh hùng dân tộc Lê Nguyên Võ nhân ngày giỗ của người.

**Triệu Vũ.**

*Houston, TX.*

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

